

## BÀI 2: CÁCH DÙNG TỪ ĐÚNG

Dùng từ đúng là dùng từ đúng âm và đúng nghĩa. Trước hết, chúng ta tìm hiểu:

### 1. Dùng từ đúng âm

Muốn dùng từ đúng âm, ta phải biết cách phát âm chuẩn, mà chuẩn phát âm phải được giải quyết trước chuẩn chính tả. Như vậy,

**Viết đúng chính tả**  
là một biện pháp giúp người viết  
dùng từ đúng âm.

Dùng từ không đúng âm, không chỉ vì viết sai chính tả, mà còn vì hiểu không rõ nghĩa của từ ấy. Cho nên,

**Hiểu rõ nghĩa của từ,**  
chúng ta sẽ hạn chế được phần nào  
lỗi dùng từ không đúng âm.

Ví dụ 1:

Ông đối xử với họ *nghiêm khắc*  
nhưng không *khắt khe, khắc nghiệt*.

Ba từ này có nghĩa khác nhau:

Nghiêm khắc là yêu cầu rất chặt chẽ, không dễ dàng bỏ qua một sơ suất nào. Khắt khe là quá nghiêm khắc, cố chấp trong đánh giá hay đối xử. Khắc nghiệt là Khắt khe đến mức nghiệt ngã.

Như vậy, theo mức độ thì nghiêm khắc là nhẹ nhất, nặng hơn là khắt khe, và nặng nhất là khắc nghiệt.

Thí dụ 2

Nhớ lời mẹ *căn dặn*  
con đừng *căn vặn* chuyện đó đến cùng.

Căn dặn là dặn đi dặn lại cẩn thận (thường là người trên căn dặn người dưới)

Còn căn vặn là hỏi cặn kẽ cho đến cùng.

Như vậy, hai từ này hoàn toàn khác nghĩa nhau.

Thứ đến, Từ không đúng âm vì

**không hiểu rõ nghĩa của từ Hán Việt  
và không phát âm đúng âm Hán Việt.**

Ví dụ:

- *Cảm khái* lại đọc là *cảm khoái*
- *Bạc mệnh* lại đọc là *bạc mạng*
- *Phiêu bạt* lại đọc là *phiêu bạc*

Trong thực tế, còn tồn tại hai cách phát âm mà ta chưa căn cứ vào từ nguyên để xác định một âm chuẩn. Ngôn ngữ học gọi đó là *lưỡng khả*. Có nghĩa là chấp nhận cả hai cách phát âm.

Ví dụ:

- *Phản ảnh* = *Phản ánh*
- *Sứ mệnh* = *Sứ mạng*
- *Sát nhập* = *Sáp nhập*
- *Thí dụ* = *Ví dụ*
- *Xung quanh* = *Chung quanh*
- *Cảm ơn* = *Cám ơn*

Cuối cùng, để tránh lỗi dùng từ không đúng, trong từ ghép hay từ tổ hợp, chúng ta

**Không nói tắt,  
không thay đổi trật tự các từ**

Ví dụ:

- *Cục đào tạo và bồi dưỡng* không nói *Cục đào bồi*.
- *Dân chi phụ mẫu* không nói *Phụ mẫu chi dân*.
- *Xa xôi* không nói *xôi xa*.

Chúng ta vừa tìm hiểu Dùng từ đúng âm, sau đây là

## 2. Dùng từ đúng nghĩa

Trước hết, Dùng từ đúng nghĩa là

### Dùng đúng nghĩa được nêu rõ trong từ điển.

Thường nó được cập nhật hóa hàng năm giúp người nói, người viết dễ dàng và thuận tiện tra cứu để dùng. *Vì thế, học sinh, sinh viên và người làm công tác văn hóa, truyền thông phải sử dụng từ điển thường xuyên để rèn luyện kỹ năng dùng từ.*

### Có những từ đồng âm mà dị nghĩa.

Thế nên, muốn dùng đúng nghĩa của các từ đồng âm, ta có thể tham khảo thêm chữ Hán.

Ví dụ: một tiếng Kỳ mà chữ Hán có đến 30 cách diễn tả khác nhau, mỗi cách cho ta một từ với một nghĩa khác biệt. Trong 30 cách diễn tả, ta chỉ đưa ra 6 cách làm thí dụ như sau:

(1) kỳ trong “hiếu kỳ”

(2) kỳ trong “kinh kỳ”

có nghĩa là chỗ nhà vua đóng đô

(3) kỳ trong “kỳ mục”

có nghĩa là người già trên 60 tuổi

(4) kỳ trong “quốc kỳ”

(5) kỳ trong “kỳ hạn”

(6) kỳ trong “Bắc kỳ”

có nghĩa là đất vuông nghìn dặm.

Thứ đến, muốn Dùng từ đúng nghĩa, ta phải lưu ý:

### Những từ đồng nghĩa tương đối.

Nghĩa là có một phần nghĩa giống nhau và một phần nghĩa khác nhau. Ngôn ngữ học gọi là **nét khu biệt trong ngữ nghĩa**. Phần nghĩa chung chính là nguyên nhân khiến ta dùng từ không đúng nghĩa.

Ví dụ:  
hai từ “*du côn*” và “*du đãng*”  
đều chỉ hạng người vô công rồi nghề,  
là bọn vô lại chỉ biết rong chơi.

Nhưng “*côn*” trong “*du côn*” nghĩa là cái gậy, hình ảnh tượng trưng cho sức mạnh thô bạo, còn “*đãng*” trong “*du đãng*” nghĩa là phóng túng, sống không theo khuôn phép.

Như vậy,  
du đãng không có hành vi côn đồ như du côn.

Cuối cùng, muốn dùng từ đúng nghĩa, ta còn phải thận trọng khi sử dụng

**Từ chuyên môn  
hoặc  
Từ vay mượn tiếng nước ngoài.**

Nếu ta không rõ nghĩa thì đừng dùng những từ này.

Ví dụ:  
hai từ “*bành trướng*” và “*tiếp thị*”,  
một từ thuộc lãnh vực chính trị,  
một từ thuộc phạm vi kinh tế.

“*Trướng*” là trương lên, phình ra. Ta dùng từ “*bành trướng*” để chỉ sự mở rộng diện tích của một nước bằng cách xâm lấn lãnh thổ của nước khác. “*Tiếp thị*” (hay marketing) là hoạt động tối quan trọng của một doanh nghiệp, được tiến hành trước khi sản xuất, kinh doanh một mặt hàng. Như vậy, “*Tiếp thị*” (hay marketing) là sự nghiên cứu dựa trên nhu cầu, thị hiếu và các dự báo, để đi đến quyết định sản xuất cái gì, bán ở đâu, số lượng thế nào, và giá cả bao nhiêu.

Vì thế,  
“*Tiếp thị*” không phải là “*bán hàng*”,  
“*chào hàng*” hay “*quảng cáo*”.

## BÀI TẬP

### Bạn hãy chọn từ đúng nhất

Các bạn hãy ghép 1 trong 4 từ trên vào 1 trong 4 từ dưới, sao cho đúng.

1. Mưu mô      2. Miệng lưỡi      3. Đầu óc      4. Hóa chất

- Độc đoán
- Độc hại
- Độc ác
- Độc địa

5. Nước da      6. Tờ giấy      7. Hạt gạo      8. Mặt mũi

- Trắng tinh
- Trắng ngần
- Trắng nõn
- Trắng trẻo

9. Gò má      10. Môi son      11. Hoa phượng      12. Máu tươi

- Đỏ chót
- Đỏ rực
- Đỏ lôm
- Đỏ au

13. Đôi mắt      14. Nước da      15. Vực sâu      16. Mặt sắt

- Đen thui
- Đen láy
- Đen ngòm
- Đen sì

17. Địa vị      18. Tư tưởng      19. Võ nghệ      20. Tâm hồn

- Cao cường
- Cao sang
- Cao thượng
- Cao siêu

21. Bước đi      22. Giác ngủ      23. Ánh sáng      24. Đồi núi

- Chập chùng
- Chập choạng
- Chập chờn
- Chập chững

25. Bông hoa      26. Cỏ cây      27. Nét mặt      28. Tương lai

- Tươi thắm
- Tươi tốt
- Tươi trẻ
- Tươi sáng

29. Ăn nói      30. Chi tiết      31. Tính tình      32. Thân hình

- Nhỏ nhẹ
- Nhỏ nhen
- Nhỏ nhắn
- Nhỏ nhặt

33. Báo đền      34. Cuộc sống      35. Khó khăn      36. Lưu danh

- Muôn vãn
- Muôn thuở
- Muôn màu
- Muôn một

37. Địa vị      38. Lửa cháy      39. Sóng nước      40. Tiếng nói

- Bấp bênh
- Bập bùng
- Bập bềnh
- Bập bẹ

41. Con ngựa      42. Tác phẩm      43. Phần tử      44. Quan hệ

- Bất hảo
- Bất kham
- Bất hủ
- Bất minh

45. Bàn tay      46. Dòng sông      47. Gia đình      48. Mùi hương

- Êm ấm
- Êm dịu
- Êm ái
- Êm đềm

49. Tâm lòng      50. Khí phách      51. Dáng điệu      52. Ăn tiêu

- Hào hùng
- Hào hiệp
- Hào phóng
- Hào hoa

53. Ăn nói      54. Bệnh dịch      55. Đánh bằng      56. Tính tình

- Bồng bột
- Bộc phá
- Bộc phát
- Bộc trực